

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DX
TỈNH QUẢNG NAM
Bản án số: 18/2021/HSST
Ngày 24/3/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DX
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Quốc.

Các hội thẩm nhân dân:

+ Ông Văn Phú Đợi.

+ Ông Ngô Đình Lục.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân- Thư ký Toà án nhân dân huyện DX.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DX tham gia phiên toà: ông Hà Đức Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện DX, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 04/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HS ngày 11/3/2021 đối với:

- **Bị cáo:** Phạm Văn TR, sinh ngày 18/06/2002.

Nơi sinh và cư trú: thôn PĐ 1, xã DT, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

Nghề nghiệp: Phụ xe. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông Phạm T, sinh năm 1970 và bà Văn Thị T1, sinh năm 1963; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án và tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Huỳnh Thị Bích Dương- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung T2 trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Địa chỉ: 73 Phan Chu Trinh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- **Người đại diện hợp pháp cho bị cáo:** Ông Phạm T, sinh năm 1970, có mặt và bà Văn Thị T1, sinh năm 1963, vắng mặt.

Cùng trú tại: thôn PĐ 1, xã DT, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

- **Người bị hại:** bà Trịnh Thị H, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: thôn H, xã TC, huyện TP, tỉnh Quảng Nam.

Hiện trú tại: Khôi phố Long Xuyên, thị trấn NP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Phạm Thị T2, sinh ngày 06/08/1993. Vắng mặt.

Trú tại: thôn Hoàn Viễn, xã Sơn Thủy, huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- + Bà Phạm Thị H, sinh ngày 21/06/1991. Có mặt.
Trú tại: khối phố Nam Ô 1, phường Hòa Hiệp Nam, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.
- + Ông Huỳnh Tân K, sinh năm 1991. Vắng mặt.
Trú tại: đội 15, thôn Phú Nhuận, xã Duy Tân, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 8 giờ ngày 29/5/2020, bị cáo Phạm Văn TR đang làm tại lò gạch Duy Hòa thì chị Phạm Thị T2 (là chị ruột của TR) gọi điện cho TR và nói: “ba đi hẹn với cô người yêu của ba rồi, chị T2 đang chạy theo ba”, đồng thời chị T2 nói bị cáo TR chạy theo chị T2, chị T2 hướng dẫn đường cho bị cáo TR chạy. Sau đó bị cáo TR mượn xe của anh K làm chung lò gạch của TR và chạy theo thì gặp chị T2, T2 và bị cáo TR tiếp tục cùng đi theo ông Phạm T (là ba ruột của T2 và TR) thì thấy ông T đi vào nhà nghỉ Ngõ Vắng ở gần cầu Cầu Lâu thuộc thị trấn NP, huyện DX. Chị T2 nói bị cáo TR đứng ở cổng chính của nhà nghỉ Ngõ Vắng, còn chị T2 ra cổng sau để bắt quả tang ông T ngoại tình khi ông T đi ra khỏi nhà nghỉ. Đứng đợi một lát thì chị Phạm Thị H (là chị ruột của TR và T2) cũng chạy đến gặp TR. TR nói chị H ra cổng sau để gặp chị T2. Sau khi T2 và H đợi ở cổng phụ nhà nghỉ một lát thì ông T điều khiển xe chạy ra, H điều khiển xe chạy theo ông T nhưng chạy được khoảng 1 km thì không thấy ông T đâu nữa nên đã liên lạc lại với T2. Còn phần bị cáo TR khi đứng thêm một khoảng thời gian nữa ở cổng chính thì bị cáo TR nhận được điện thoại của chị T2 nói là đang chạy theo người tình của ông T về hướng NP, chị T2 bảo TR chạy theo. Sau khi bị cáo TR chạy theo thì tiếp tục nhận được cuộc gọi của chị T2 nói TR chạy tới chợ NP. Khi bị cáo TR chạy tới chợ NP gặp chị T2 thì một lát sau chị H cũng chạy tới.

Cả 3 chờ ở chợ NP khoảng 15 phút thì chị Trịnh Thị H (là người tình của ông T) điều khiển xe mô tô hiệu AirBlack BKS 92M1-087.09 đi từ chợ NP đi ra và chạy lên đường quốc lộ. Chị H, bị cáo TR và chị T2 chạy theo H. Khi chị H, bị cáo TR và T2 chạy theo H đến ngã ba giữa đường quốc lộ 1A thuộc thị trấn NP với đường xuống xã Duy Phước thì chị H dừng xe lại để qua đường. Lúc này chị H chạy xe đến đứng song song bên trái với chị H còn T2 dừng xe phía sau xe H. Chị H yêu cầu chị H vào quán cà phê nói chuyện (chuyện H ngoại tình với ông T) nhưng chị H không đồng ý và điều khiển xe chạy về hướng huyện Quế Sơn. Bị cáo TR thấy vậy liền chạy theo và vượt qua xe H. Khi bị cáo TR quay xe lại thì bị chị H tông vào làm cả 2 ngã xuống đường. Sau đó chị T2 và chị H chạy tới kêu chị H vào quán cà phê nói chuyện nhưng chị H không đồng ý nên chị T2 và chị H kéo chị H vào lề đường. Vì bực tức chị H không đồng ý nói chuyện nên chị H nhìn thấy một cây củi bên đường thì liền cầm lấy và đánh một cái vào người H sau đó vứt cây củi đi. Bị cáo TR đứng dậy dắt xe của

mình và xe của chị H vào lề đường. Khi dựng xe ngã của chị H lên thì trong cốp xe có rớt ra túi xách và một số đồ đạc, bị cáo TR lượm bỏ vào lại xe của chị H.

Vì nghĩ chị H ngoại tình với ba mình, lấy tiền của ba và TR nhìn thấy bị cáo TR nảy sinh ý định lấy tài sản của chị H để đem về cho ba thấy. Bị cáo TR mở cốp xe của chị H và lấy 02 cái túi xách trong đó: 01 (một) túi xách màu đen - vàng bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có số imei 1: 356004082856909, imei 2: 356004082856917 cùng sim số điện thoại 0373119203, 02 (hai) chiếc nhẫn tròn bằng vàng, số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), 06 (sáu) tờ tiền mệnh giá 01 USD, 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 02 USD, các giấy tờ và nhiều đồ vật cá nhân khác; 01 (một) túi xách màu hồng đen bên trong chứa các đồ vật, dụng cụ trang điểm, sinh hoạt cá nhân khác; 01 (một) bao ni lông chứa một chiếc áo thun và 01 chùm chìa khóa rời lên xe nhanh chóng bỏ đi. Chị H thấy Phạm Văn TR lấy các tài sản của mình bỏ đi thì la lên nhưng do đang giằng co với T2 và H nên không thể làm gì được. Sau đó, thấy mọi người đứng lại đông nên chị Phạm Thị H cùng Phạm Thị T2 cũng bỏ đi về. Khi chị T2 và chị H về nhà và thấy có tài sản ở trên bàn thì hỏi TR là của ai thì TR nói là đồ lấy trong cốp xe của chị H. Nghe vậy thì chị T2 và chị H la bị cáo TR đồng thời điện thoại cho chị H để trả lại nhưng chị H đang báo cho công an DX nên chị H đã đem nộp lại cho Công an DX.

Theo Kết luận giám định số 646/C09C(DD2) ngày 03/7/2020 của Phân viện KH học hình sự tại thành phố Đà Nẵng: kết luận 02 (hai) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, hình tròn, mặt trong của chiếc nhẫn có dập các chữ “NGHĨA TÍN 97% TUẦN THANG 5C” được niêm phong trong 02 phong bì của Công an huyện DX. Tại mép dán, mặt sau của 02 phong bì có 02 (hai) hình dấu đỏ ghi Cơ quan CSĐT Công an huyện DX, tỉnh Quảng Nam và các chữ ký ghi họ tên: Phan Nguyên Bình, Nguyễn Thị Thúy, Phạm Thị H là nhẫn có kim loại vàng (Au). 01 chiếc có hàm lượng vàng 97%, khối lượng mẫu là 18,71gam và 01 chiếc có hàm lượng vàng 97,1%, khối lượng mẫu là 18,72gam.

Theo Kết luận định giá tài sản số 36/KLĐG-HĐĐGTS ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện DX: định giá 01 túi xách màu đen vàng, 01 túi xách màu hồng đen, 01 điện thoại di động hiệu Nokia, 02 chiếc nhẫn tròn bằng vàng 97% có trong lượng 05 chỉ tại thời điểm bị chiếm đoạt có tổng giá trị 48.208.345đ (bốn mươi T1 triệu hai trăm lẻ T1 nghìn ba trăm bốn lăm đồng).

Tại Biên bản làm việc ngày 24/7/2020 giữa Điều tra viên với bà Huỳnh Thị Nhân (Phó Giám đốc Ngân hàng Agribank DX): Vào ngày 29/5/2020, tỷ giá đồng Việt Nam với đồng đô la Mỹ (USD) tại ngân hàng Agribank là 23.210đ. Đây là tỷ giá của đồng đô la nhỏ, tức là các đồng đô la có mệnh giá 1USD, 2USD.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo Phạm Văn TR lấy của chị H là 50.940.445 đồng (bao gồm: 01 túi xách màu đen vàng có giá 332.500đ, 01 túi xách màu hồng đen có giá 40.000đ, 01 điện thoại di động hiệu Nokia có giá 145.845đ, 02 chiếc nhẫn tròn

bằng vàng có giá 47.690.000đ, 10USD có giá trị là 232.100đ, số tiền trị giá 2.500.000đ).

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSDX ngày 01/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện DX đã truy tố bị cáo Phạm Văn TR về tội: “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 172 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn TR về tội: “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 172 Bộ luật hình sự 2015 và đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 172, điểm e, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, 100 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Phạm Văn TR từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc dép bên chân trái màu đỏ, hai quai phía trên màu đen; 01 mảnh ốp nhựa của xe mô tô màu đồng; 01 thanh cây gỗ do không còn giá trị sử dụng.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo thống nhất với tội danh và điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt cải tạo không giam giữ mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Xét thấy tại thời điểm phạm tội, bản thân bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, chưa ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã tự nguyện trao trả lại tài sản cho người bị hại một cách nhanh nhất, lỗi do bị cáo kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại, bị hại đã có đơn xin bãi nại, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 2 Điều 172, điểm h, e, s khoản 1, 2 Điều 51, 54, Điều 91, 100 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Phạm Văn TR 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo và bị cáo thống nhất với ý kiến của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo ăn năn hối cải và nói lời sau cùng, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện DX, Viện kiểm sát nhân dân huyện DX, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn TR thành khẩn khai báo, khai nhận hành vi phạm tội như sau: Vào sáng ngày 29/5/2020, tại khối phố Long Xuyên, thị trấn NP;

bị cáo Phạm Văn TR đã có hành vi lợi dụng hoàn cảnh, điều kiện không có khả năng ngăn cản của chủ sở hữu tài sản, bị cáo TR đã ngang nhiên lấy tài sản trong cốp xe mô tô BKS 92M1-087.09 của chị Trịnh Thị H trước sự chứng kiến của chị H và những người đi đường. Tổng giá trị tài sản bị cáo TR lấy của chị H là 50.940.445đ. Do đó hành vi của TR đã phạm vào tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 172 Bộ luật Hình sự 2015..

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Lợi dụng việc người bị hại không có khả năng tự quản lý được tài sản, bị cáo TR đã có hành vi ngang nhiên chiếm đoạt tài sản người bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm răn đe, giáo dục bị cáo nhận thức đúng pháp luật. Tuy nhiên tại thời điểm phạm tội, bị cáo là người dưới 18 tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91 Bộ luật hình sự để áp dụng hình phạt phù hợp đối với bị cáo.

[4] Xét nhân thân, hoàn cảnh gia đình và các tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Sau khi phạm tội, bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện khắc phục đem trao trả lại tài sản cho người bị hại. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và bãi nại cho bị cáo TR. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa thành niên nên cần áp dụng Điều 91 Bộ luật hình về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi nên bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử dưới mức thấp nhất khung hình phạt qui định và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 100 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp với quy định tại Điều 91 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

Đối với đề nghị của kiểm sát viên và người bào chữa áp dụng tình tiết giảm nhẹ điểm e khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp. Trong trường hợp này bị cáo hoàn toàn không bị kích động mạnh về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với hành vi chị Phạm Thị T2 và chị Phạm Thị H lôi kéo, giằng co và Phạm Thị T2 dùng cây gỗ đánh vào người bị hại Trịnh Thị H. Đây là những hành vi dẫn đến việc không quản lý được tài sản của bị hại Trịnh Thị H làm TR lấy tài sản của chị H. Nhưng qua điều tra nhận thấy việc lôi kéo, giằng co và dùng cây gỗ đánh vào người chị H của Phạm Thị T2 và Phạm Thị H chỉ nhằm mục đích yêu cầu chị H vào quán cà phê nói chuyện về việc chị H ngoại tình với ông Phạm T. Phạm Thị H

và Phạm Thị T2 không biết việc TR lấy tài sản của chị H, đồng thời Trịnh Thị H đã có đơn từ chối giám định thương tích và không yêu cầu gì nên không xem xét xử lý đối với chị Phạm Thị H và chị Phạm Thị T2.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 92F1-460.83 thuộc chủ sở hữu là của ông Huỳnh Tấn K cho bị cáo TR mượn làm phương tiện đi lại. Tuy nhiên, ông K hoàn toàn không biết bị cáo TR sử dụng xe để làm phương tiện chiếm đoạt tài sản người bị hại nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, cần tuyên tịch thu tiêu hủy 01 chiếc dép bên chân trái màu đỏ, hai quai phía trên màu đen; 01 mảnh ốp nhựa của xe mô tô màu đồng; 01 thanh cây gỗ do không còn giá trị sử dụng.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn TR phải chịu án phí hình sự là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn TR phạm tội “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 172 Bộ luật hình sự 2015 ”

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 172, điểm b, h, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Phạm Văn TR 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Do bị cáo khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên không khấu trừ thu nhập.

Giao bị cáo Phạm Văn TR cho Ủy ban nhân dân xã DT, huyện DX, tỉnh Quảng Nam và gia đình của bị cáo để giám sát và giáo dục.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc dép bên chân trái màu đỏ, hai quai phía trên màu đen; 01 mảnh ốp nhựa của xe mô tô màu đồng; 01 thanh cây gỗ.

(Vật chứng hiện đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện DX quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 04/QĐ-VKSDX ngày 01 tháng 2 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện DX)

4. Án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án, xử buộc bị cáo Phạm Văn TR phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/03/2021). Người bị hại, bà Văn Thị T1, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Minh Quốc